

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2020/HS-ST

Ngày: 30 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh;

2. Ông Huỳnh Duy Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang Tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Tuyền Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 95/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Thanh BC (X), sinh năm 1977, nơi sinh: X – Bến Tre; nghề nghiệp: mua bán; nơi cư trú: tổ 12, khóm X7, phường MB, thành phố K, tỉnh An Giang; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh Te, sinh năm 1940 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1944; anh chị em ruột có 06 người bị cáo là người thứ sáu; chồng Bùi Anh LQ2, sinh năm 1969; có 01 con tên Bùi Thị Thanh Thảo, sinh năm 1997.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/8/2020 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Hà Kim BH, sinh năm 1951, nơi cư trú: ấp H, xã H, thị xã H, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Đỗ Văn LQ1, sinh năm 1973, nơi cư trú: tổ 7, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

2. Bùi Anh LQ2, sinh năm 1969, nơi cư trú: tổ 12, khóm X7, phường MB, thành phố K, tỉnh An Giang, có mặt.

Người làm chứng:

1. Nguyễn Văn L1, sinh năm 1982, vắng mặt.
2. Phùng Thạch L2, sinh năm 1980, vắng mặt.
3. Huỳnh Ngọc L3, sinh năm 1991, vắng mặt.
4. Bùi Thị L4, sinh năm 1944, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 09/8/2020 Trần Thanh BC điều khiển xe mô tô biển số 70B1 – 432.68 lưu thông trên đường Trung Nữ Vương, khi đến khu vực tổ 10, khóm x2, phường MB, thành phố K, BC nhìn thấy Hà Kim BH đang bán vé số kiến thiết dạo trên đường, BC dừng xe kêu BH lại giả vờ mua vé số, BH đưa 38 tờ vé số của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên tỉnh Kiên Giang phát hành, mệnh giá 10.000 đồng/vé ký hiệu 8K2, mở thưởng ngày 09/8/2020, BC cầm xe, giật lấy vé số và tăng ga xe tẩu thoát; BH tri hô, mọi người truy đuổi vây bắt quả tang giao BC cho Cơ quan điều tra khởi tố tạm giam, xử lý (lúc mới bắt quả tang, BC khai họ tên là X).

Vật chứng thu giữ:

- 38 tờ vé số của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên tỉnh Kiên Giang phát hành, mệnh giá 10.000 đồng/vé, ký hiệu 8K2, mở thưởng ngày 09/8/2020 (đã trả lại cho bị hại Hà Kim BH ngay sau khi bắt quả tang);
- 01 xe mô tô màu sơn nâu, biển số 70B1 – 432.68; 01 mũ bảo hiểm xám (đã bàn giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự).

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 210/KL-ĐG ngày 18/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định: 38 vé số do tỉnh Kiên Giang phát hành, ngày 09/8/2020 ký hiệu 8K2, mệnh giá mỗi tờ 10.000 đồng gồm các dãy số 01 tờ có dãy số 576250K; 10 tờ có dãy số 676250A; 10 tờ có dãy số 776250N; 08 tờ có dãy số 166948E và 09 tờ có dãy số 066948K. Giá trị thành tiền 9.000đồng/tờ x 38 tờ = 342.000 đồng.

Cáo trạng số 96/CT-VKSCĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố Trần Thanh BC về tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Đồng thời bị cáo cũng khai nhận, tên thường gọi của bị cáo là X nên khi Công an bắt bị cáo thì bị cáo khai tên X; xe mô tô biển số 70B1 – 432.68 là tài sản chung của

vợ chồng mua của Đỗ Văn LQ1 chưa sang tên, dùng làm phương tiện kiếm sống; xe là tài sản của vợ chồng, không phải cá nhân bị cáo. Bị cáo xin được nhận lại chiếc xe để có phương tiện để mưu sinh vì hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm trở về với gia đình để nuôi chồng bị bệnh và con gái của bị cáo. Xin Hội đồng xét xử cho nhận lại chiếc xe mô tô biển số 70B1 – 432.68 để chồng bị cáo mưu sinh.

- Ông Bùi Anh LQ2 khai: Ông là chồng của bị cáo Trần Thanh BC có quê quán ở huyện X, tỉnh Bến Tre đến thành phố K sinh sống khoảng 02 năm nay cư trú tại tổ 12, khóm X7, phường MB, thành phố K. Ông bị bệnh tiểu đường dẫn đến sưng cánh tay, hằng ngày không làm gì mà phụ thuộc vào vợ (Trần Thanh BC), vợ là lao động chính trong gia đình nuôi ông và con gái, con gái ông bị khờ nên ở nhà. Từ ngày vợ ông bị tạm giam, hằng ngày ông bán vé số kiếm sống.

Chiếc xe mô tô biển số 70B1 – 432.68 là tài sản chung của vợ chồng, không biết bị cáo lấy đi thực hiện tội phạm nên xin nhận lại chiếc xe để làm phương tiện kiếm sống hằng ngày.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và được kiểm chứng tại phiên tòa nên có cơ sở xác định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo thuộc thành phần lao động, có cha ruột là Trần Minh Te được tặng huân chương kháng chiến hạng nhì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lượng hình.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm đến 02 (hai) năm tù về tội cướp giật tài sản.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không nghề nghiệp ổn định đề nghị không áp dụng đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

- 38 tờ vé số mở thưởng ngày 09/8/2020 đã giao trả cho bị hại trong giai đoạn Điều tra nên không đề cập xử lý lại.

- 01 xe mô tô màu sơn nâu, biển số 70B1 – 432.68 thấy rằng đây là tài sản chung của vợ chồng, không liên quan đến tội phạm, đề nghị giao trả lại cho Bùi Anh LQ2.

- 01 mũ bảo hiểm xám, có giá trị thấp, bị cáo không có yêu cầu nhận lại, xét tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an nhân dân thành phố K, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người làm chứng không ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[3] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng vắng mặt. Xét, những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra, không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Về nội dung,

[4] Hành vi phạm tội:

Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng với các nguồn chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra và được thẩm tra tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định:

Khoảng 07 giờ ngày 09/8/2020 bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 70B1 – 432.68 lưu thông trên đường Trung Nữ Vương, khi đến khu vực tổ 10, khóm x2, phường MB, thành phố K, bị cáo nhìn thấy bị hại Hà Kim BH đang bán vé số kiến thiết trên đường nên bị cáo dừng xe chủ động kêu bị hại giả vờ mua vé số, bị hại đưa 38 tờ vé số của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên tỉnh Kiên Giang phát hành, mệnh giá 10.000 đồng/vé mở thưởng ngày 09/8/2020 bị cáo cầm vé số giật lấy rồi tăng ga bỏ chạy. Hành vi của bị cáo đã thỏa mãn mặt khách quan của tội cướp giật tài sản.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi với lỗi cố ý nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác; xâm phạm quan hệ

về sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ nên đủ yếu tố cấu thành tội "*Cướp giật tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, cha bị cáo là Trần Minh Te được tặng huân chương kháng chiến hạng nhì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm và hậu quả từ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo thuộc thành phần lao động, không có nghề nghiệp ổn định, xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 38 tờ vé số mở thưởng ngày 09/8/2020 đã giao trả cho bị hại trong giai đoạn Điều tra nên không đề cập xử lý lại.

- 01 xe mô tô màu sơn nâu, biển số 70B1 – 432.68, đây là tài sản chung của vợ chồng, không thuộc sở hữu cá nhân của bị cáo và không liên quan đến tội phạm mà bị cáo thực hiện, xét giao trả lại cho ông Bùi Anh LQ2 như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

- 01 mũ bảo hiểm xám, có giá trị thấp, bị cáo không có yêu cầu nhận lại, xét tịch thu tiêu hủy.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề cập xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo: Trần Thanh BC phạm tội: "*Cướp giật tài sản*";

Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh BC 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam 09/8/2020.

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Giao trả cho ông Bùi Anh LQ2 01 (một) xe mô tô 02 bánh nhãn hiệu DAME (theo phiếu trả lời tra cứu phương tiện của phòng CSGT tỉnh An Giang), màu nâu, biển số 70B1 – 432.68. số máy 1P50FMG310348615, số sườn LF3XCG4C31Y348615 đã qua sử dụng (thực tế giao xe trên lóc máy nhãn hiệu LIFAN).

- Tịch thu tiêu hủy 01 mũ bảo hiểm màu xám có gắn kính nhựa phía trước, trên mũ có ghi chữ “NAPOLI”, đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04/9/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố K với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K).

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Thanh BC phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương